

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀNG MAI
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do-Hạnh Phúc**

Số: 01 /2019/QĐST-DS

Hoàng Mai, ngày 12 tháng 4 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀNG MAI, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: ông Nguyễn Viết Hằng
Thư ký phiên họp: bà Nguyễn Thị Hiền-Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai tham gia phiên họp:
Bà Vũ thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 06/2018 /TLST-VDS, ngày 20 tháng 12 năm 2018, về việc: Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, trong khối tài sản chung để thi hành án, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 15/2019/QĐST-DS ngày 13/ 3/ 2019.

***Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:**

+Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Phan Văn Ch, sinh năm 1969

Địa chỉ: Khối HT, phường Q, thị xã H, Nghệ An.

+Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Bùi Thị Ng, sinh năm 1970,

Anh Hoàng Huy Ch, sinh năm 1988 (con Bà Ng)

Anh Hoàng Huy L, sinh năm 1994 (con Bà Ng)

Địa chỉ: Khối TH, phường Q, thị xã H, Nghệ An.

Chị Hoàng Thị V, sinh năm 1989 (con Bà Ng)

Địa chỉ: Khối HH, phường Q, thị xã H, Nghệ An.

Cụ Nguyễn Thị N, sinh năm 1942 (mẹ ông S chồng Bà Ng)

Địa chỉ: Khối HT, phường Q, thị xã H, Nghệ An.

+Người làm chứng: cụ Hồ Thị H, sinh năm 1961

Địa chỉ: Khối TH, phường Q, thị xã H, Nghệ An.

Ông Ch có mặt;

Bà Ng, anh Ch, anh L, chị V, cụ N và cụ H đều vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Theo đơn yêu cầu của ông Phan Văn Ch đề ngày 20/7/2016, tài liệu tại hồ sơ và tại phiên họp, có nội dung như sau:

Ngày 04/11/2014 Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai ban hành quyết định số 10/2014/QĐST-DS, công nhận sự thỏa thuận của đương sự: bà Bùi Thị Ng phải chịu trách nhiệm trả nợ cho ông Phan Văn Ch và bà Phan Thị Lan số tiền là 95.000.000đ. Ngày 04/12/2015 ông Ch đã làm đơn yêu cầu thi hành án. Ngày 07/12/2015 chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoàng Mai đã ban hành quyết định thi hành án số 18/QĐ-CCTHADS để thi hành án đối với Bà Ng, và xác minh điều kiện thi hành án của Bà Ng: Bà Ng có nhà cấp 4 trên thửa đất 538, tờ bản đồ số 1, được cấp giấy CNQSD đất năm 1998, mang tên Hoàng Huy S, sinh năm 1967(chồng Bà Ng).

Ông Phan Văn Ch yêu cầu Tòa án xác định phần tài sản của Bà Ng được hưởng trong khối tài sản chung để có cơ sở kê biên thi hành án.

*Bà Bùi Thị Ng trình bày(tại hồ sơ): Bà kết hôn với ông Hoàng Huy S vào năm 1986. Năm 1987-1988, ông S được chính quyền xã Quỳnh Phương cấp cho một suất đất ở tiêu chuẩn con liệt sỹ, trên đường ra cảng cá, thuộc khối Tân Hải. Do bố ông S là cụ Hoàng Huy Hoành, là liệt sỹ. Ông S là con trai duy nhất chịu trách nhiệm thờ cúng liệt sỹ.

Cùng thời điểm được Nhà nước cấp đất thì ông S bị ốm nặng, gia đình không có tiền để đi bệnh viện chữa bệnh. Nên ông S bán suất đất này cho vợ chồng chú ruột là cụ Hoàng Huy S -cụ Hồ Thị H để có tiền đi chữa bệnh, và trích ra một phần để mua đất khác ở. Sau khi bán được đất cho cụ S thì vợ chồng mua được một suất đất ở gần bờ sông và làm nhà nhỏ ở tạm. Khi đó sống chung trong nhà, gồm mẹ chồng, các con bà.

Tháng 7/ 2001thì ông S mất. Năm 2004 hoặc 2005 thì làm nhà mới cấp 4 đang ở như hiện nay. Khi đó làm nhà là công sức bà nội, mẹ con bà và sự giúp đỡ của người thân trong anh em bên chồng.

Bà Ng có 3 con chung với ông S, gồm: Anh Hoàng Huy Ch, sinh năm 1988, anh Hoàng Huy L, sinh năm 1994, chị Hoàng Thị V, sinh năm 1989. Anh Ch và anh L lấy vợ sinh con đang ở chung với Bà Ng tại ngôi nhà nói trên. Còn chị V đã đi lấy chồng ở khối Hồng Hải.

Bà Ng cho rằng:

- Đất ở hiện nay có nguồn gốc từ đất chính sách liệt sỹ mà có. Không phải từ tiền công sức của vợ chồng bà (ông S-Bà Ng) mua được. Nay bà đang phải thờ cúng bố chồng là liệt sỹ, thờ cúng chồng, và cả ông bà nội của ông S.

- Nhà ở cấp 4 hiện đang ở là do bà cùng các con, và anh em người thân thích của ông S giúp đỡ làm nên để có chỗ thờ cúng liệt sỹ và người thân trong gia đình. Hiện nay cả 3 thế hệ (gồm bà, 2 con trai, 2 con dâu, 3 cháu nội) cùng chung sống trong ngôi nhà này.

Vì thế, bà không đồng ý phân chia lấy đất và nhà ở để thi hành án. Còn tiền nợ ông Ch thì bà sẽ trả dần.

*Anh Hoàng Huy Ch, anh Hoàng Huy L, chị Hoàng Thị V trình bày (tại

hồ sơ): Các anh chị lớn lên, cùng với Bà Ng lao động làm ăn, xây dựng nhà cửa. Biết gia đình mình là gia đình chính sách, đất ở là có nguồn gốc của ông S người chịu trách nhiệm thờ cúng ông nội là liệt sỹ. Các anh chị không biết việc nợ giữa Bà Ng với ông Phan Văn Ch, cũng không nghe Bà Ng nói vay tiền ông Ch làm gì cho gia đình. Vì thế, không đồng ý phân chia lấy đất và nhà ở để thi hành án.

*Cụ Nguyễn Thị N trình bày(tại hồ sơ): cụ Nguyễn Thị N và cụ Hoàng Huy Hoành là bố mẹ đẻ của ông Hoàng Huy S (chồng bà Bùi Thị Ng). Ông Hoành đi bộ đội, hy sinh năm 1970, khi đó ông S mới 3 tuổi. Cụ ở với vợ chồng ông S khoảng vài năm thì cụ đi lấy chồng. Đất đai nhà cửa là do vợ chồng ông S làm nên, cụ không đóng góp được gì. Ông S mất thì cụ cũng không yêu cầu gì đối với phần di sản của ông S để lại. Còn việc xác định phần tài sản của Bà Ng để thi hành án trả nợ cho ông Ch thì đề nghị Tòa án giải quyết có tình có lý, vì Bà Ng đang rất khó khăn, hiện đang phải thờ cúng liệt sỹ, chồng và ông bà nội.

* Cụ Hồ Thị H- Người làm chứng trình bày(tại hồ sơ): Chồng cụ là cụ Hoàng Huy S, mất năm 2015, là chú ruột của ông S. Năm 1987, ông S được xã Quỳnh Phương cấp cho một suất đất ở tiêu chuẩn con liệt sỹ- thờ cúng liệt sỹ. Ông S khi đó đang bị bệnh nặng không có tiền chạy chữa, nên bán đất đó để lấy tiền chữa bệnh và tiền còn lại mua đất chỗ khác rẻ hơn.

Vợ chồng cụ mua đất đó của ông S và làm nhà ở như hiện nay, giá mua bao nhiêu thì không nhớ vì thời gian đã quá lâu. Đất nay đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

* Xác minh tại bà Lê Thị Cọt: chồng bà Cọt là ông Hồ Ngọc Toàn-là thương binh, được xã Quỳnh Phương cấp đất ở tiêu chuẩn thương binh, đang ở hiện nay. Khi đó bên cạnh đất cấp cho chồng bà còn có đất cấp cho ông S(con liệt sỹ). Nhưng sau một thời gian thấy gia đình ông Sỹ-bà Hải đến làm nhà ở. Bà không biết việc giao dịch đất giữa họ với nhau.

**Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:* Trong quá trình giải quyết việc dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm chủ tọa phiên họp tuyên quyết định giải quyết sơ thẩm việc dân sự: Thẩm phán, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã tuân theo pháp luật tố tụng. Về nội dung: Tòa án cần tiến hành thẩm định và định giá tài sản, chia cho Bà Ng được quyền sở hữu, sử dụng phần nào cụ thể trong khối tài sản chung; Đề nghị đưa ông Hoàng Huy Lĩnh tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Thuyết minh thêm tài chứng cứ là giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mang tên ông Hoàng Huy S.

(Toàn bộ nội dung phát biểu thể hiện bằng văn bản, được lưu tại hồ sơ việc dân sự).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và Kiểm sát viên tại phiên họp, Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai nhận định:

[1] Yêu cầu của ông Phan Văn Ch là Việc dân sự “ Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản trong khối tài sản tài sản chung để thi hành án” theo quy định tại khoản 9 Điều 27 BLTTDS 2015, thẩm quyền Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai thụ lý giải quyết là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung: Quyết định số 10/2014/QĐST-DS, ngày 04/11/2014 của Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai ghi nhận: bà Bùi Thị Ng chịu trách nhiệm trả nợ cho ông Phan Văn Ch và chị Phan Thị Lan số tiền là 95.000.000đ. Cơ quan thi hành án dân sự không cưỡng chế tài sản để thi hành được quyết định nói trên là do đang tranh chấp về quyền sở hữu, sử dụng tài sản chung. Do đó, ông Phan Văn Ch yêu cầu Tòa án xác định phần tài sản của Bà Ng được hưởng trong khối tài sản chung để thực hiện nghĩa vụ dân sự, là đúng pháp luật.

[3]*Đối với quan điểm của Kiểm sát viên:* Tòa án thấy rằng, đây không phải là vụ án dân sự tranh chấp thừa kế, vì không có ai là người thuộc diện thừa kế yêu cầu chia thừa kế. Cũng không phải vụ án dân sự theo BLTTDS. Tòa án chỉ thụ lý việc dân sự theo khoản 9 Điều 27 BLTTDS 2015, nên chỉ tiến hành công việc trong phạm vi yêu cầu của người yêu cầu. Chứng cứ về đất đai đã có kết quả xác minh tại địa phương là hợp pháp, không nhất thiết phải có Giấy CNQSD đất lưu hồ sơ. Ông Hoàng Huy Lĩnh cất giữ Giấy CNQSD đất của Bà Ng từ năm 2017, nay chưa tìm được, thì ông Lĩnh không thể là đương sự có tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo điều 70, điều 73 BLTTDS trong việc dân sự này được.

[4] Căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập được thì tài sản của Bà Ng và các vấn đề liên quan xác định được như sau:

+ **Về hoàn cảnh gia đình:** Bà Bùi Thị Ng có 3 con chung với ông Hoàng Huy S, gồm: anh Hoàng Huy Ch, sinh năm 1988, anh Hoàng Huy L, sinh năm 1994, chị Hoàng Thị V, sinh năm 1989. Anh Ch và anh L lấy vợ sinh con đang ở chung với Bà Ng. Còn chị V đã đi lấy chồng năm 2011 ở khối Hồng Hải.

Có căn cứ chồng Bà Ng là ông Hoàng Huy S, là con liệt sỹ Hoàng Huy Hoàn. Ông S mất năm 2001. Mẹ ông S là cụ Nguyễn Thị N, sinh năm 1942.

Theo hồ sơ chính sách tại UBND phường Quỳnh Phương: Anh Hoàng Huy Ch là người thờ đứng tên thờ cúng liệt sỹ(ông nội). Anh Ch hưởng đang được hưởng chế độ thờ cùng liệt sỹ theo quy định.

+ **Về đất ở:**

- Xác minh tại UBND phường Quỳnh Phương: Bà Ng hiện nay đang ở trên thửa đất 146, bản đồ số 9(Bản đồ năm 2017), có diện tích trích đo thực tế năm 2017 là 152,7m². (*Thửa đất này đã cấp GCNQSD đất ngày 26/10/1998 mang tên Hoàng Huy S, tại thửa 535, bản đồ số 1 bản đồ 299, tức là thửa số 219 từ bản đồ 127-78 Bản đồ năm 1997. Giấy CNQSD đất ghi thửa số 538 là sai, mà thửa số 535 là đúng*).

- Mặc dù không thể hiện tài liệu cấp đất cho gia đình chính sách năm 1987-1988, nhưng lời khai của Bà Ng, cụ Hồ Thị H và cụ Lê Thị Cột về việc được xã Quỳnh Phương cấp đất cho một số gia đình Liệt sỹ, Thương binh trong đó có ông S- con liệt sỹ và ông Toàn thương binh là có căn cứ, phù hợp với chủ trương của Nhà nước.

- Nhưng đất đó đã chuyển nhượng cho người khác, thì ý nghĩa về mặt chính sách không còn nữa. Ông S Bà Ng mua đất ở nơi khác dù bằng nguồn tiền nào thì cũng không thể xác định đó là tiền có nguồn gốc chính sách.

Mặt khác, ông S Bà Ng có thời gian 13-14 năm cùng nhau bảo quản tôn tạo đất mua mới để hình thành nên giá trị tài sản như hiện nay, mà không có chứng cứ ghi nhận là tài sản riêng, nên coi đất đó là tài sản chung vợ chồng ông S-Bà Ng (Điều 651 BLDS), Vì thế, ông S chết thì Bà Ng, anh Ch, anh L, chị V và cụ Nguyễn Thị N được quyền thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng đất đó. Cụ thể là:

- Chia giá trị đất chung vợ chồng khi một người đã chết: Bà Ng được hưởng 1/2 giá trị đất đó.(theo Khoản 2 điều 66 luật HNGĐ).

- Còn 1/2 giá trị đất còn lại là di sản thừa kế do ông S để lại, xem xét như sau:

Cụ Nguyễn Thị N, tuy không yêu cầu gì trong phần di sản ông S để lại. Nhưng cụ N vẫn là một đồng thừa kế.

Vì thế, khi xác định kỹ phần quyền sử dụng đất của từng thừa kế để thực hiện nghĩa vụ riêng, thì vẫn xác định quyền đương nhiên của cụ N trong đó.

Cho nên: Còn 1/2 giá trị đất còn lại là di sản thừa kế do ông S để lại sẽ chia 5 phần, gồm: Bà Ng, anh Ch, anh L, chị V và cụ Nguyễn Thị N là đúng pháp luật.

Vì vậy: xác định phần giá trị đất mà Bà Ng được hưởng là:

$1/2 \text{ giá trị đất} + (1/5 \times 1/2) \text{ giá trị đất} = 0,6 = 60\% \text{ giá trị đất.}$

+Về nhà ở:

- Bà Ng xây dựng nhà ở (*nhà cấp 4 đang ở hiện nay trên thửa đất nói trên*) từ năm 2004-2005. Nhưng vay tiền của ông Ch năm 2013. Nên xác định không phải dùng tiền vay ông Ch để làm nhà. Mặc dù Bà Ng khai làm được nhà là có sự giúp đỡ của người thân, để có nơi thờ cúng liệt sỹ, thờ cúng ông S và ông bà nội của ông S. Nhưng có căn cứ ngôi nhà đó do mẹ con Bà Ng làm nên, có thời gian dài tôn tạo bảo quản và sử dụng.

Nên xác định **ngôi nhà đó là tài sản thuộc sở hữu chung của bốn mẹ con Bà Ng, gồm: Bà Ng, anh Ch, anh L, chị V.** Là sở hữu chung của các thành viên trong gia đình (theo Điều 210 BLDS), thuộc trường hợp sở hữu chung hợp nhất(theo Điều 212 BLDS).

Vì thế, khi xác định kỹ phần quyền sở hữu của từng thành viên trong gia đình để thực hiện nghĩa vụ riêng, thì Bà Ng là một trong 4 thành viên, nên được hưởng **1/4(Một phần tư)** giá trị ngôi nhà cấp 4 đó.

Với những chứng cứ phân tích nêu trên:

[5] Căn cứ:

Khoản 9 điều 27; Điều 92; Điều 370 và Điều 149 BLTTDS;

Điều 210; Khoản 1 điều 212; Điều 651 BLDS.

Khoản 2 điều 66 luật HNGĐ.

Khoản 1 Điều 37 NQ số 326/2016/UBTVQH14.

QUYẾT ĐỊNH:

* Chấp nhận yêu cầu của ông Phan Văn Ch.

* Xác định phần quyền sở hữu, phần quyền sử dụng tài sản của bà Bùi Thị Ng trong khối tài sản chung để thi hành án, như sau:

+ Về đất ở: Bà Bùi Thị Ng được hưởng 60% giá trị của 152,7m² đất mang tên Hoàng Huy S, thửa số 146, bản đồ số 9(Bản đồ năm 2017) tại khối Tân Hải, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

+ Về nhà ở: Bà Bùi Thị Ng được hưởng 1/4(Một phần tư) giá trị ngôi nhà cấp 4 đang ở trên thửa đất nói trên.

Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: ông Phan Văn Ch phải chịu 300.000 đồng tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000513, ngày 27 tháng 12 năm 2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoàng Mai.

* Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Người yêu cầu có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An; Đương sự vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

2. Kể từ ngày Tòa án ra quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày; Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày.

Nơi nhận:

- VKSND tx Hoàng Mai;
- UBND p Quỳnh Phương;
- Người yêu cầu, người có qloị, nghĩa vụ liên quan.
- CC THADS tx Hoàng Mai;
- Lưu Hồ sơ.

(Chờ kết quả phúc thẩm, nên đăng tải muộn)

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Nguyễn Viết Hằng